

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 20 – 12 – 2021  
V/v không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mạc Thị Chiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thanh Xuân
2. Bà Trương Ngọc Diệp

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Tuấn V – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2021/TL.ST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Phạm Thùy T

Địa chỉ: Ấp 4A, tt BB, CTA, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Hồng V

Địa chỉ: Ấp 4A, tt BB, CTA, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thùy T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hồng V tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2015, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu ông bà chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà và ông V bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong việc chăm sóc gia đình nên hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông V đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn không được nên đã ly thân cách đây gần 01 năm. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Kim N (nữ), sinh ngày 10/11/2016. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N đến khi thành niên và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Hồng V trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà T về thời gian chung sống, việc không đăng ký kết hôn và về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Ông và bà T cũng đã ly thân nhau cách đây gần 01 năm. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Kim N (nữ), sinh ngày 10/11/2016. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng đến khi thành niên và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, ông V và bà T vắng mặt, có đơn xin yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thùy T và ông Nguyễn Hồng V là vợ chồng; Về con chung: Giao cháu Phạm Kim N (nữ), sinh ngày 10/11/2016 cho bà Phạm Thùy T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên ông V chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thùy T và ông Nguyễn Hồng V tự nguyện chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông V. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc không công nhận là vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt ông V, bà T nhưng các đương sự đã có yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông V, bà T.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà T và ông V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống bà T và ông V phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được nên đã không còn chung sống với nhau gần 01 năm. Đến thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết các đương sự vẫn không đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nay bà T yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Phạm Thùy T và ông Nguyễn Hồng V là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Bà Phạm Thùy T và ông Nguyễn Hồng V có 01 con chung tên Phạm Kim N (nữ), sinh ngày 10/11/2016. Quá trình giải quyết, bà T và ông V thống nhất giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng đến khi thành niên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nên ông V chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thùy T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thùy T và ông Nguyễn Hồng V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Kim N (nữ), sinh ngày 10/11/2016 cho bà Phạm Thùy T nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Hồng V chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thùy T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0011550 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà T đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mạc Thị Chiên**